

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
PHƯƠNG ĐÔNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (tên giao dịch: Orient Securities Corporation) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các Quyết định điều chỉnh như sau:

- Quyết định số 72/UBCK-GPĐCCTCK ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND;
- Quyết định số 100/UBCK-GPĐCCTCK ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.

Vào ngày 02 tháng 7 năm 2010, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD và chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Vốn điều lệ : 240.000.000.000 VND
Số cổ phiếu : 24.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu
- Trụ sở hoạt động
Địa chỉ : 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84 - 08) 39144290
Fax : (84 - 08) 39142295
Mã số thuế : **0 3 0 4 8 1 4 3 3 9**
- Hoạt động chính của Công ty: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Phạm Linh	Chủ tịch	04/05/2012	
Bà Trần Thị Hải Yến	Chủ tịch	18/05/2011	03/05/2012
Ông Lâm Đạo Thảo	Thành viên thường trực	18/05/2011	
Ông Võ Quang Long	Thành viên thường trực	18/05/2011	
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên	18/05/2011	
Ông Tề Trí Dũng	Thành viên	18/05/2011	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Trát Minh Phương	Trưởng ban	18/05/2011	
Ông Nguyễn Văn Phẩm	Thành viên	18/05/2011	
Bà Trần Thị Kim Ánh	Thành viên	18/05/2011	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Xuân Nam	Tổng Giám đốc	15/11/2012	
Ông Lâm Đạo Thảo	Q. Tổng Giám đốc	05/01/2012	15/11/2012
Ông Thái Trí Hùng	Phó Tổng Giám đốc	01/08/2012	05/11/2012
Ông Võ Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc	17/11/2009	12/04/2012

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 7 đến trang 29).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2012 cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ này, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Phương Đông chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo nguồn vốn chủ sở hữu;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



TRẦN XUÂN NAM – Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2013

Số: 0082/2013/BCTC-KTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông được lập ngày 27 tháng 03 năm 2013 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi muốn lưu ý với người đọc Báo cáo tài chính này rằng: Trong số dư tiền gửi của Công ty tại các Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã bao gồm 410.000.000.000 VND, là số tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã bị tạm ngưng giao dịch (*xem Thuyết minh số V.1*), số tiền này Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các hợp đồng môi giới mua chứng khoán chưa thanh toán đến ngày 31 tháng 12 năm 2012 (*xem Thuyết minh số V.13*). Khoản tiền này sẽ được Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chuyển trả cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong khi ngân hàng TMCP Tiên Phong có yêu cầu bằng văn bản. Do vậy, Công ty chưa dự thu lãi và dự chi lãi liên quan đến số tiền này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tùy thuộc vào sự nhìn nhận của các bên liên quan, kết quả của sự kiện trên có thể sẽ thay đổi tình hình tài chính của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (tiếp theo)

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2013



VÕ THÊ HOÀNG - Giám đốc điều hành
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0484/KTV

VĂN NAM HẢI - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0832/KTV

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-CTCK

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		602.842.151.897	1.279.842.901.775
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		455.951.917.086	1.115.907.015.971
Tiền	111	V.1	455.951.917.086	1.115.907.015.971
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.3	1.967.886.600	5.467.843.395
1. Đầu tư ngắn hạn	121		2.918.017.889	14.410.246.932
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(950.131.289)	(8.942.403.537)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.4	144.803.623.481	157.974.160.315
1. Phải thu khách hàng	131		12.022.053.528	6.144.063.800
2. Trả trước cho người bán	132		22.300.280	172.606.363
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		225.450.008	16.044.883
4. Các khoản phải thu khác	135		148.372.730.942	162.016.777.871
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(15.838.911.277)	(10.375.332.602)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		118.724.730	493.882.094
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		84.724.730	337.331.374
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		34.000.000	156.550.720
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		97.147.380.640	92.941.289.657
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		4.907.795.363	3.975.250.263
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	558.602.992	1.390.047.456
<i>Nguyên giá</i>	222		8.094.179.954	8.202.458.018
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(7.535.576.962)	(6.812.410.562)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	4.349.192.371	2.585.202.807
<i>Nguyên giá</i>	228		7.488.985.064	4.556.209.064
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.139.792.693)	(1.971.006.257)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		89.112.527.071	85.407.610.000
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		111.492.995.037	112.554.502.773
<i>Chứng khoán sẵn sàng để bán</i>	254		111.492.995.037	112.554.502.773
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(22.380.467.966)	(27.146.892.773)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.127.058.206	3.558.429.394
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	228.048.646	803.072.700
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.8	2.739.009.560	2.430.414.294
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.9	160.000.000	324.942.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		699.989.532.537	1.372.784.191.432

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		502.340.035.059	1.175.501.152.201
I. Nợ ngắn hạn	310		502.340.035.059	1.175.412.534.183
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	-	18.208.294.194
2. Phải trả người bán	312		-	15.000.000
3. Người mua trả tiền trước	313		268.375.000	326.375.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	40.680.889	93.763.621
5. Phải trả người lao động	315		222.513.352	371.370.751
6. Chi phí phải trả	316	V.12	122.422.099	318.139.737
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.13	410.000.000.000	1.060.000.000.000
8. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	V.14	3.702.437.478	20.677.281
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		234.118	234.118
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	V.15	87.983.372.123	96.058.679.481
II. Nợ dài hạn	330		-	88.618.018
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	88.618.018
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		197.649.497.478	197.283.039.231
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	197.649.497.478	197.283.039.231
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		50.000.000.000	50.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.047.890.198	1.047.890.198
4. Lỗ lũy kế	420		(93.398.392.720)	(93.764.850.967)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		699.989.532.537	1.372.784.191.432

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán lưu ký			775.907.980.000	901.820.050.000
<i>Trong đó:</i>				
Chứng khoán giao dịch			557.276.430.000	617.314.110.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký			11.753.750.000	12.382.250.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước			544.459.000.000	603.858.180.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài			1.063.680.000	1.073.680.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch			218.631.550.000	284.505.940.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký			152.314.230.000	3.725.520.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước			66.317.320.000	280.780.420.000

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2013

TRẦN XUÂN NAM
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LÊ TÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

(Có so sánh số liệu với năm 2011)

MẪU B 02-CTCK
Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết Minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01		20.289.670.245	129.380.352.411
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		1.940.880.061	6.000.841.322
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		4.713.897.527	7.132.983.580
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	603.664.209
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		656.439.727	771.513.416
- Doanh thu lưu ký chứng khoán			203.970.523	-
- Doanh thu khác	01.9		12.774.482.407	114.871.349.884
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		627.097	4.568.561
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	VI.1	20.289.043.148	129.375.783.850
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	(291.580.409)	132.071.088.589
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		20.580.623.557	(2.695.304.739)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	20.362.875.352	30.060.297.731
7. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		217.748.205	(32.755.602.470)
8. Thu nhập khác	31		150.110.931	123.389.282
9. Chi phí khác	32		1.400.889	21.012.109
10. Lợi nhuận (lỗ) khác	40		148.710.042	102.377.173
11. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		366.458.247	(32.653.225.297)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.4	<u>366.458.247</u>	<u>(32.653.225.297)</u>
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>15,27</u>	<u>(1.361)</u>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2013



TRẦN XUÂN NAM
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LÊ TÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

MẪU B 03-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	01		366.458.247	(32.653.225.297)
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.000.230.900	1.958.389.477
- Các khoản dự phòng	03		(7.295.118.380)	22.486.005.100
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(51.202.800)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(10.096.752.976)	(39.292.317.342)
- Chi phí lãi vay	06		586.180.052	96.094.438.800
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(14.439.002.157)	48.542.087.938
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09		7.194.869.613	147.924.300.937
- Tăng các khoản phải trả (không kể chi phí lãi vay phải trả)	11		(667.022.960.205)	1.004.822.234.694
- Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12		827.630.698	588.658.341
- Tiền lãi vay đã trả	13		(915.005.302)	(85.515.559.276)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		1.513.035.891.032	7.334.684.116.239
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.500.145.942.125)	(7.377.701.536.864)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(661.464.518.446)	1.073.344.302.009
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.932.776.000)	(72.900.909)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			32.563.636	26.090.436
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(24.642.051.424)	(33.841.609.780)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		37.195.788.203	59.524.365.027
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.064.189.340	39.282.494.886
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		19.717.713.755	64.918.439.660
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		10.000.000.000	189.849.281.995
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(28.208.294.194)	(245.573.987.801)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(18.208.294.194)	(55.724.705.806)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(659.955.098.885)	1.082.538.035.863
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.115.907.015.971	33.368.980.108
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	VI.1	455.951.917.086	1.115.907.015.971

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2013



TRẦN XUÂN NAM

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LÊ TÙNG

Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 05-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/ giảm				Số cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.19	240.000.000.000	240.000.000.000	-	-	-	-	240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	V.19	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		1.047.890.198	1.047.890.198	-	-	-	-	1.047.890.198	1.047.890.198
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	V.19	(61.111.625.670)	(93.764.850.967)	(32.653.225.297)	-	366.458.247	-	(93.764.850.967)	(93.398.392.720)
TỔNG CỘNG		229.936.264.528	197.283.039.231	(32.653.225.297)	-	366.458.247	-	197.283.039.231	197.649.497.478

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2013

TRẦN XUÂN NAM
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LÊ TÙNG
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

4. Nhân viên

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 51 người (vào ngày 31 tháng 12 năm 2011: 78 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là năm tài chính thứ 6 của Công ty.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo Ngày 31/12/2011: 20.828 VND/USD

Ngày 31/12/2012: 20.812 VND/USD

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán”, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp” và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008”.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam: Vào ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"). Thông tư 210 có hiệu lực áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh theo yêu cầu của Thông tư này tại các Thuyết minh VIII.2

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ ngắn hạn và dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

6. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc đánh giá

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao áp dụng

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm TSCĐ hữu hình</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	8
TSCĐ khác	3

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán,.. vào sử dụng. Các phần mềm được khấu hao từ 3 đến 5 năm.

8. Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các chứng khoán thương mại có thời hạn nắm giữ dưới 12 tháng được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn là giá mua trên thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được lập khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

Đầu tư chứng khoán dài hạn

Đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các khoản khoản đầu tư có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được lập khi có giá trị sụt giảm giá trị lâu dài tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ từ 2 đến 5 năm.

10. Nguồn vốn, quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân chứng khoán.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức độ có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

12. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền theo từng lần nhập, xuất để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

13. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

15. Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày kết thúc năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
(a) Tiền mặt	2.559.719	1.814.225
Tiền mặt	2.559.719	1.814.225
(b) Tiền gửi ngân hàng	455.949.357.367	1.115.905.201.746
Tiền gửi của Công ty (*)	439.175.030.944	1.107.275.813.830
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	16.774.326.423	8.629.387.916
Cộng	455.951.917.086	1.115.907.015.971

(*) Trong số tiền gửi của Công ty tại các ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm 410.000.000.000 VND, số tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã bị tạm ngưng giao dịch, số tiền này Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các Hợp đồng môi giới mua chứng khoán (xem Thuyết minh số V.14). Công ty chưa dự thu lãi cho khoản tiền gửi này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	<u>Khối lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Của Công ty chứng khoán	2.090.800	19.722.420.000
Cổ phiếu	2.090.800	19.722.420.000
Của nhà đầu tư	108.227.102	1.022.005.151.600
Cổ phiếu	108.227.102	1.022.005.151.600
Cộng	110.317.902	1.041.727.571.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. Các khoản đầu tư tài chính

	Số lượng		Giá trị theo sổ sách kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán thương mại	234.867	501.537	2.918.017.889	14.410.246.932	(950.131.289)	(8.942.403.537)	1.967.886.600	5.467.843.395
Chứng khoán đầu tư	4.716.200	4.635.739	111.492.995.037	112.554.502.773	(22.380.467.966)	(27.146.892.773)	89.112.527.071	85.407.610.000
Chứng khoán sẵn sàng để bán	4.716.200	4.635.739	111.492.995.037	112.554.502.773	(22.380.467.966)	(27.146.892.773)	89.112.527.071	85.407.610.000
Cộng	4.951.067	5.137.276	114.411.012.926	126.964.749.705	(23.330.599.255)	(36.089.296.310)	91.080.413.671	90.875.453.395

4. Các khoản phải thu ngắn hạn

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm			Số dự phòng đã lập	
		Tổng số	Số quá hạn	Số dự phòng	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn		Số khó đòi
1	Phải thu khách hàng	6.144.063.800	-	-	7.335.043.059	1.457.053.331	12.022.053.528	-	-	-
2	Trả trước cho người bán	172.606.363	-	-	1.529.339.599	1.679.645.682	22.300.280	-	-	-
3	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	16.044.883	-	-	2.439.420.492	2.230.015.367	225.450.008	-	-	-
	<i>Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán</i>	<i>16.044.883</i>	-	-	<i>2.439.420.492</i>	<i>2.230.015.367</i>	<i>225.450.008</i>	-	-	-
4	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	538.940.337	538.940.337	-	-	-	-
5	Các khoản phải thu khác	162.016.777.871	34.584.442.006	(10.375.332.602)	202.955.009.684	216.599.056.613	148.372.730.942	46.433.635.948	-	15.838.911.277
	Cộng	168.349.492.917	34.584.442.006	- 10.375.332.602	214.797.753.171	222.504.711.330	160.642.534.758	46.433.635.948	-	15.838.911.277

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

5. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên Giá					
1. Số đầu năm	66.260.000	6.948.262.382	1.158.247.636	29.688.000	8.202.458.018
2. Tăng trong năm	-	-	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	108.278.064	-	-	108.278.064
4. Số cuối năm	66.260.000	6.839.984.318	1.158.247.636	29.688.000	8.094.179.954
II. Giá Trị Hao Mòn					
1. Số đầu năm	66.260.000	6.121.641.683	594.820.879	29.688.000	6.812.410.562
2. Tăng trong năm	-	686.679.980	144.764.484	-	831.444.464
3. Giảm trong năm	-	108.278.064	-	-	108.278.064
4. Số cuối năm	66.260.000	6.700.043.599	739.585.363	29.688.000	7.535.576.962
III. Giá Trị còn lại					
1. Số đầu năm	-	826.620.699	563.426.757	-	1.390.047.456
2. Số cuối năm	-	139.940.719	418.662.273	-	558.602.992
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:					
1. Số đầu năm	50.000.000	2.780.855.272	-	29.688.000	2.860.543.272
2. Số cuối năm	66.260.000	5.461.190.286	-	29.688.000	5.557.138.286

6. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm giao dịch, kế toán
I. Nguyên Giá	
1. Số đầu năm	4.556.209.064
2. Tăng trong năm	2.932.776.000
3. Giảm trong năm	-
4. Số cuối năm	7.488.985.064
II. Giá Trị Hao Mòn	
1. Số đầu năm	1.971.006.257
2. Tăng trong năm	1.168.786.436
3. Giảm trong năm	-
4. Số cuối năm	3.139.792.693
III. Giá Trị còn lại	
1. Số đầu năm	2.585.202.807
2. Số cuối năm	4.349.192.371
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:	
1. Số đầu năm	30.000.000
2. Số cuối năm	1.014.689.550

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển chi phí trong kỳ	Số cuối năm
Công cụ, dụng cụ	327.037.660	-	289.332.444	37.705.216
Chi phí khác	476.035.040	217.454.549	503.146.159	190.343.430
Cộng	803.072.700	217.454.549	792.478.603	228.048.646

8. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.405.654.663	2.240.777.202
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	213.354.897	69.637.092
Cộng	2.739.009.560	2.430.414.294

9. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ thuê văn phòng, thuê nhà	160.000.000	324.942.400
Cộng	160.000.000	324.942.400

10. Vay và nợ ngắn hạn

Đối tượng	Lãi suất	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	19%	16.500.000.000	10.000.000.000	26.500.000.000	-
Vay ngắn hạn cá nhân	17% - 19%	1.708.294.194	-	1.708.294.194	-
Cộng		18.208.294.194	10.000.000.000	28.208.294.194	-

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối năm
1	Thuế GTGT hàng nội địa	3.839.676	43.596.659	43.163.335	4.273.000
2	Các loại thuế khác	89.923.945	778.734.471	832.250.527	36.407.889
	- Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
	- Thuế thu nhập cá nhân	89.923.945	772.734.471	826.250.527	36.407.889
	Cộng	93.763.621	822.331.130	875.413.862	40.680.889

• **Thuế giá trị gia tăng**

- Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng:
 - + Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
 - + Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

• **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp thuế theo qui định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

12. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phí lưu kí, giao dịch phải trả ủy ban	53.003.663	73.488.050
Chi phí thuê nhà	-	124.135.272
Chi phí hoa hồng, môi giới	-	15.163.356
Chi phí khác	69.418.436	105.353.059
Cộng	<u>122.422.099</u>	<u>318.139.737</u>

13. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả tổ chức, cá nhân khác (*)	410.000.000.000	1.060.000.000.000
Cộng	<u>410.000.000.000</u>	<u>1.060.000.000.000</u>

(*) Khoản phải trả cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong tiền thực hiện hợp đồng môi giới mua chứng khoán, khoản tiền này được gửi vào Ngân hàng TMCP Công thương và đang tạm ngừng giao dịch (xem Thuyết minh số V.1). Công ty chưa dự chi lãi cho khoản phải trả này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

14. Phải trả hộ cổ tức

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.682.924.978	1.164.781
Phải trả cổ tức cho cổ đông	19.512.500	19.512.500
Cộng	<u>3.702.437.478</u>	<u>20.677.281</u>

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

<i>Bảo hiểm xã hội</i>	5.308.474	-
<i>Bảo hiểm y tế</i>	-	4.193.950
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	-	174.801
<i>Các khoản phải trả khác</i>	62.586.477.226	83.061.686.814
Phải trả lãi vay vốn	11.094.978.107	11.409.803.357
Phải trả lãi tiền gửi nhà đầu tư	-	14.000.000
Phải trả vốn cho các Công ty	50.000.000.000	70.000.000.000
Các khoản phải trả khác	1.491.499.119	1.637.883.457
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư</i>	25.391.586.423	12.992.623.916
Cộng	<u>87.983.372.123</u>	<u>96.058.679.481</u>

16. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗ lũy kế	Cộng
Số đầu năm	240.000.000.000	50.000.000.000	1.047.890.198	(93.764.850.967)	197.283.039.231
Lỗ trong năm	-	-	-	366.458.247	366.458.247
Số cuối năm	<u>240.000.000.000</u>	<u>50.000.000.000</u>	<u>1.047.890.198</u>	<u>(93.398.392.720)</u>	<u>197.649.497.478</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	<u>10.000</u>	<u>10.000</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.940.880.061	6.000.841.322
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	4.713.897.527	7.132.983.580
Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	-	603.664.209
Doanh thu lưu ký chứng khoán	203.970.523	-
Doanh thu hoạt động tư vấn chứng khoán	656.439.727	771.513.416
Doanh thu khác	12.774.482.407	114.871.349.884
Cộng	<u>20.289.670.245</u>	<u>129.380.352.411</u>
Khoản giảm trừ doanh thu	(627.097)	(4.568.561)
Doanh thu thuần	<u><u>20.289.043.148</u></u>	<u><u>129.375.783.850</u></u>

2. Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	3.962.109.476	7.471.722.515
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	7.345.625.702	15.216.796.689
Chi phí hoạt động tư vấn chứng khoán	21.818.182	299.711.385
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	541.353.604	721.151.314
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán	(12.758.697.055)	12.110.672.498
Chi phí khác	596.209.682	96.251.034.188
Cộng	<u><u>(291.580.409)</u></u>	<u><u>132.071.088.589</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	5.526.621.300	7.226.816.560
Chi phí vật liệu quản lý	47.818.328	125.811.943
Chi phí đồ dùng văn phòng	692.312.527	861.114.262
Chi phí khấu hao	2.000.230.900	1.960.681.090
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	8.500.000
Chi phí dự phòng	5.463.578.675	10.375.332.602
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.740.300.157	7.314.960.776
Chi phí bằng tiền khác	886.013.465	2.187.080.498
Cộng	<u>20.362.875.352</u>	<u>30.060.297.731</u>

4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận sau thuế	366.458.247	(32.653.225.297)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	366.458.247	(32.653.225.297)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.000.000	24.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>15,27</u>	<u>(1.361)</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản tiền nhận ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	16.774.326.423	8.629.387.916

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên Ban quản lý điều hành của Công ty trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương, thưởng	1.245.505.775	1.596.135.814

2. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.10 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị dự phòng		Giá trị hợp lý	
	Số dư 31/12/2012	Số dư 01/01/2012	Số dư 31/12/2012	Số dư 01/01/2012	Số dư 31/12/2012	Số dư 01/01/2012
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	439.177.590.663	1.107.277.628.055	-	-	439.177.590.663	1.107.277.628.055
Đầu tư ngắn hạn	2.918.017.889	14.410.246.932	(950.131.289)	(8.942.403.537)	1.967.886.600	5.467.843.395
Phải thu khách hàng	12.022.053.528	6.144.063.800	-	-	12.022.053.528	6.144.063.800
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	225.450.008	16.044.883	-	-	225.450.008	16.044.883
Các khoản phải thu khác	148.372.730.942	162.016.777.871	(15.838.911.277)	(10.375.332.602)	132.533.819.665	151.641.445.269
Đầu tư dài hạn	111.492.995.037	112.554.502.773	(22.380.467.966)	(27.146.892.773)	89.112.527.071	85.407.610.000
Ký quỹ dài hạn	160.000.000	324.942.400	-	-	160.000.000	324.942.400
Cộng	714.368.838.067	1.402.744.206.714	(39.169.510.532)	(46.464.628.912)	675.199.327.535	1.356.279.577.802
Nợ phải trả tài chính (*)						
Vay và nợ	-	18.208.294.194	-	-	-	18.208.294.194
Phải trả cho người bán	-	15.000.000	-	-	-	15.000.000
Chi phí phải trả	122.422.099	318.139.737	-	-	122.422.099	318.139.737
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	410.000.000.000	1.060.000.000.000	-	-	410.000.000.000	1.060.000.000.000
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.702.437.478	20.677.281	-	-	3.702.437.478	20.677.281
Các khoản phải trả khác	87.983.372.123	96.058.679.481	-	-	87.983.372.123	96.058.679.481
Cộng	501.808.231.700	1.174.620.790.693	-	-	501.808.231.700	1.174.620.790.693

(*) Giá trị hợp lý của những khoản mục này được trình bày theo giá trị ghi sổ do không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan quan trọng trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Quản lý rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá)

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và cung cấp dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty và các khoản vay.

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát hành từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Hội đồng quản trị và Hội đồng đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu từ nghiệp vụ giao dịch ký quỹ,..) và từ hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng,..).

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên bảng điểm xếp hạng tín dụng chi tiết và hạn mức tín dụng cá nhân được xác định phù hợp với đánh giá này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản nợ phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi Bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.1. Công ty nhận thấy mức tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả cho người bán	-	-	-	-
Chi phí phải trả	122.422.099	-	-	122.422.099
Các khoản phải trả khác	26.888.394.016	61.094.978.107	-	87.983.372.123
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	410.000.000.000	-	410.000.000.000
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.702.437.478	-	-	3.702.437.478
Cộng	30.713.253.593	471.094.978.107	-	501.808.231.700

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	18.208.294.194	-	-	18.208.294.194
Phải trả cho người bán	15.000.000	-	-	15.000.000
Chi phí phải trả	318.139.737	-	-	318.139.737
Các khoản phải trả khác	34.648.876.124	61.409.803.357	-	96.058.679.481
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	-	1.060.000.000.000	-	1.060.000.000.000
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	20.677.281	-	-	20.677.281
Cộng	53.210.987.336	1.121.409.803.357	-	1.174.620.790.693

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	455.951.917.086	-	-	455.951.917.086
Đầu tư ngắn hạn	1.967.886.600	-	-	1.967.886.600
Phải thu khách hàng	12.022.053.528	-	-	12.022.053.528
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	225.450.008	-	-	225.450.008
Các khoản phải thu khác	101.939.094.994	46.433.635.948	-	148.372.730.942
Đầu tư dài hạn	-	89.112.527.071	-	89.112.527.071
Ký quỹ dài hạn	-	160.000.000	-	160.000.000
Cộng	572.106.402.216	135.706.163.019	-	707.812.565.235

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.115.907.015.971	-	-	1.115.907.015.971
Đầu tư ngắn hạn	5.467.843.395	-	-	5.467.843.395
Phải thu khách hàng	6.144.063.800	-	-	6.144.063.800
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	16.044.883	-	-	16.044.883
Các khoản phải thu khác	127.432.335.865	34.584.442.006	-	162.016.777.871
Đầu tư dài hạn	-	112.554.502.773	-	112.554.502.773
Ký quỹ dài hạn	-	324.942.400	-	324.942.400
Cộng	1.254.967.303.914	147.463.887.179	-	1.402.431.191.093

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2013



TRẦN XUÂN NAM
Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LÊ TÙNG
Kế toán trưởng